HK1 - Tuần 7 (Từ ngày : 18/10 – 23/10)

TOÁN 7

ĐẠI SỐ

SỐ VÔ TỈ. KHÁI NIỆM VỀ CĂN BẬC HAI

I-Kiến thức cơ bản:

1. **Số vô tỉ:**

+ Số vô tỉ là số viết được dưới dạng số thập phân vô hạn không tuần hoàn.

+ Tập hợp các số vô tỉ được kí hiệu là I.

2. **Khái niệm về căn bậc hai:**

+ Căn bậc hai của một số a không âm là số x sao cho $x^2 = a$

+ Số dương a có đúng hai căn bậc hai là $\sqrt{a}$ và $-\sqrt{a}$

+ Số 0 chỉ co một căn bậc hai là số 0 : $\sqrt{0} = 0$

II – Bài tập:

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ trống (dấu chấm):

a) $\sqrt{...} = 7$; b) $\sqrt{169} = \cdots$; c) $\sqrt{...^2} = 14$; d) $\sqrt{\left(\frac{2}{5}\right)^2} = \cdots$

Bài 2: Điền số thích hợp vào bảng sau:

x					± 1		
x^2	25.10^2	$\frac{1}{64}$	$\frac{8,1}{4,9}$	$\frac{242}{18}$	1	-16	0

Bài 3: Tìm $x \in$ I, biết:

a) $x^2 + 1 = 82$ b) $(x-1)^2 = 9$ c) $(2x+3)^2 = 25$

SỐ THỰC

I-Kiến thức cơ bản:

1. **Số thực:**

- Số hữu tỉ và số vô tỉ được gọi chung là số thực

  Tập hợp số thực được kí hiệu là $\mathbb{R}$

- Nếu a là số thực thì a biểu diễn dưới dạng số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn. Khi đó, ta có thể so sánh hai số thực tương tự như so sánh hai số hữu tỉ viết dưới dạng thập phân.
- Với a, b là hai số thực dương, nếu $a > b$ thì $\sqrt{a} > \sqrt{b}$

2. Trục số thực:

- Mỗi số thực được biểu diễn bởi mọt điểm trên trục số
- Mỗi điểm trên trục số biểu diễn một số thực

3. Các phép toán:

Trong tập hợp số thực ℝ, ta cũng định nghĩa các phép toán cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa và khai căn. Các phép toán trong tập hợp số thực cũng có các tính chất như các phép toán tring tập hợp các số hữu tỉ.

<u>II – Bài tập:</u>

Bài 1: So sánh:

a) 0,135 … 0,(135) b) $\frac{2}{7}$… 0,(3) c) $[0,(3)]^2$ … $(0,3)^2$

d)$\frac{16}{121}$ … $[0,3(59)]^2$

Bài 2: Thực hiện phép tính

a) $2\frac{2}{3}:\left\{\left[(3,72-0,02).\frac{10}{37}\right]:\frac{5}{6}+2,8\right\}-\frac{7}{15}$ b) $\left(13,25-2\frac{5}{27}-10\frac{5}{6}\right).230,04+46,75$

HÌNH HỌC:

ÔN TẬP CHƯƠNG I

I. <u>Lý thuyết</u>

Ôn lại các điểm lý thuyết về :

+ Hai góc đối đỉnh

+ Hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song

+ Tiền đề Ơ-clit về hai đường thẳng song song

+ Từ vuông góc đến song song

II. <u>Bài tập</u>

Bài 1. Cho hình vẽ sau :

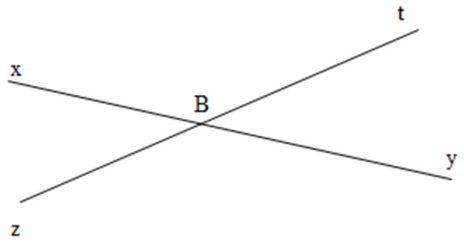

a) Nêu tên góc bằng với $\widehat{zBy}$, $\widehat{yBt}$?

b) Cho $\widehat{tBy} = 37°$. Tính số đo các $\widehat{xBt}$ và $\widehat{xBz}$.

<u>Giải</u>

a) Ta có: $\widehat{zBy}$ và $\widehat{xBt}$ là hai góc đối đỉnh

$\Rightarrow \widehat{zBy} = \widehat{xBt}$

$\widehat{yBt}$ và $\widehat{xBz}$ là hai góc đối đỉnh

$\Rightarrow \widehat{yBt} = \widehat{xBz}$

b) Ta có: $\widehat{tBy} + \widehat{xBt} = 180°$ (kề bù)

=> $37° + \widehat{xBt} = 180°$

$\widehat{xBt} = 180° - 37°$

$\widehat{xBt} = 143°$.

Lại có: $\widehat{xBz}$ và $\widehat{tBy}$ là hai góc đối đỉnh

=> $\widehat{xBz} = \widehat{tBy} = 37°$

Bài 2. Cho hình vẽ:

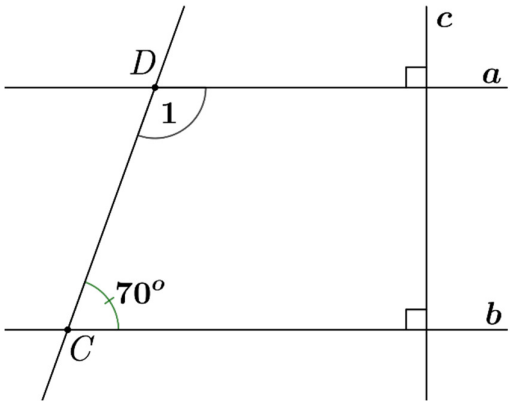

a) Chứng minh $a//b$

b) Tính góc D_1

Giải

a) Ta có :

$$\begin{cases} a \perp c \\ b \quad c \end{cases}$$

=> a // b

b) Ta có : $a // b$

=> $\widehat{C} + \widehat{D_1} = 180^0$ (hai góc trong cùng phía bù nhau)

$70^0 + \widehat{D_1} = 180^0$

$\Rightarrow \widehat{D_1} = 180^0 - 70^0 = 110^0$.

Bài 3. Cho hình vẽ:

Biết $AC \perp AB$ tại A; $BD \perp AB$ tại B và $\widehat{ACD} = 105^0$.

a) Chứng minh: AC // BD.

b) Tính số đo: $\widehat{D_1}$ và $\widehat{D_2}$.

c) Gọi I là trung điểm của AB. Vẽ đường thẳng m là đường trung trực của đoạn thẳng AB và đường thẳng m cắt đường thẳng CD tại E.

Chứng minh: IE // AC // BD.

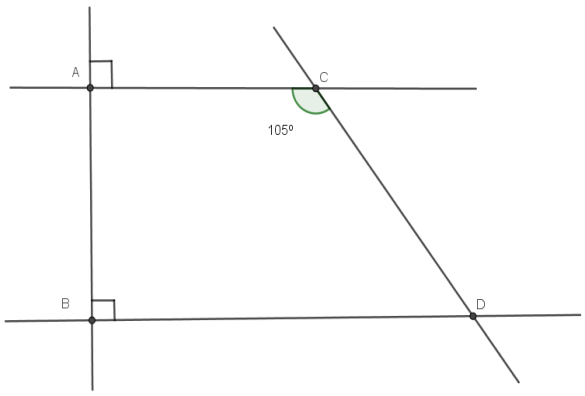

Giải

a) Ta có :

$$\begin{cases} AC \perp AB \\ BD \perp AB \end{cases}$$

=> AC // BD

b) +) Tính $\widehat{D_1}$:

Ta có : AC // BD

$\Rightarrow \widehat{ACD} + \widehat{BDC} = 180^0$ (Hai góc trong cùng phía bù nhau)

$105^0 + \widehat{BDC} = 180^0$
$\widehat{BDC} = 180^0 - 105^0 = 75^0$

+) Tính $\widehat{D_2}$:

Ta có :

$\begin{cases} \text{AC // BD} \\ \widehat{ACD} \text{ và } \widehat{D_2} \text{ đồng vị} \end{cases}$

$\Rightarrow \widehat{ACD} = \widehat{D_2}$

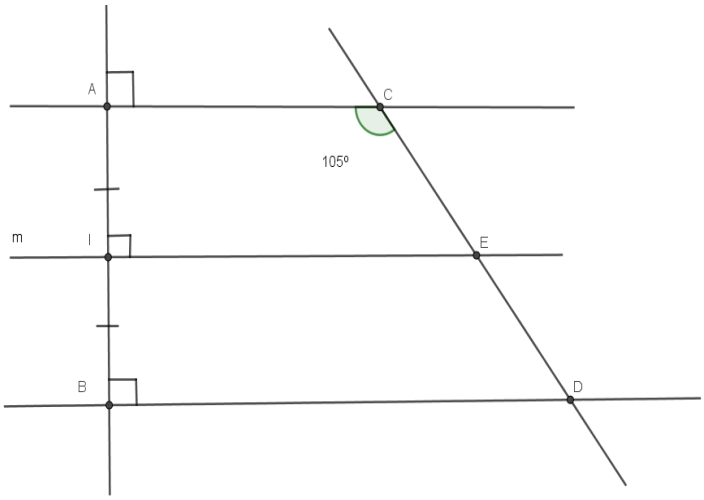

c) m là đường trung trực của đoạn thẳng AB

$\Rightarrow m \perp AB$
$\Rightarrow IE \perp AB \ (I \in m, E \in m)$

Ta có :

$\begin{cases} IE \perp AB \\ CA \perp AB \end{cases}$
$\Rightarrow IE // CA$

Mà CA // BD (theo câu a)

=> IE // BD // CA (đpcm).

<u>Bài 4:</u> Cho hình vẽ :

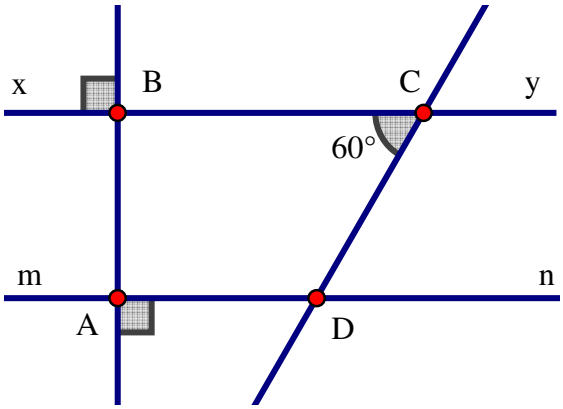

Biết $xy \perp AB$ tại B; $mn \perp AB$ tại A và $\widehat{BCD} = 60^0$.

a) Chứng minh: xy // mn.

b) Tính số đo: $\widehat{CDA}$, $\widehat{yCD}$ và $\widehat{CDn}$.

c) Từ C vẽ Cz song song với AB và Cz cắt mn tại Q. Tính số đo $\widehat{DCQ}$?

Tuần 7

Ngữ văn 7

Văn bản: CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH

(Tĩnh dạ tứ)

I. Đọc - Tìm hiểu chung

HS đọc chú thích SGK và văn bản, sau đó điền thông tin theo **Phiếu học tập số** 1 trong phần HD tìm hiểu bài ở nhà.

II. Đọc - Tìm hiểu văn bản

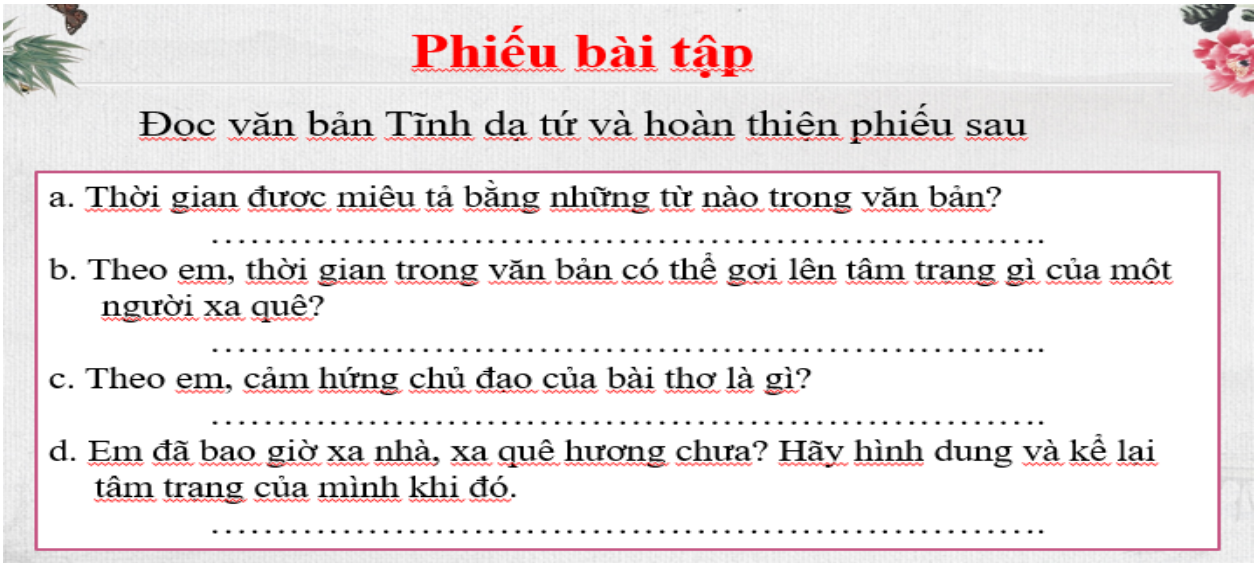

Phiếu bài tập

Đọc văn bản Tĩnh dạ tứ và hoàn thiện phiếu sau

a. Thời gian được miêu tả bằng những từ nào trong văn bản?

.....

b. Theo em, thời gian trong văn bản có thể gợi lên tâm trạng gì của một người xa quê?

.....

c. Theo em, cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?

.....

d. Em đã bao giờ xa nhà, xa quê hương chưa? Hãy hình dung và kể lại tâm trạng của mình khi đó.

.....

1. Hai câu thơ đầu

- Sàng tiền minh nguyệt quang,
Nghi thị địa thượng quang.
- Đầu giường ánh trăng rọi,
Ngỡ mặt đất phủ sương.

- Thời gian: đêm khuya-> khoảng thời gian gợi buồn.
- Không gian: từ giường nhìn ra bầu trời quang đãng.
- Hình ảnh: ánh trăng-> làm tác giả nhớ quê hương.
- Trạng thái của nhà thơ: mơ hồ, nghi ngờ cỏ sương trên mặt đất.

=> Gợi vẻ đẹp dịu êm, mơ màng, yên tĩnh.

2. Hai câu thơ cuối

- Cúi đầu vọng minh nguyệt,
Đê đầu tư cố hương.
- Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,
Cúi đầu nhớ cố hương.

- Hành động của nhà thơ trong đêm trăng thanh tĩnh:

+ ngẩng đầu ngắm trăng
+ cúi đầu nhớ quê hương

Hai hành động đối lập nhau

=> Tình yêu thiên nhiên thông qua đó là nỗi niềm thương nhớ quê hương một cách mãnh liệt, da diết.

III. Ghi nhớ (SGK/124)

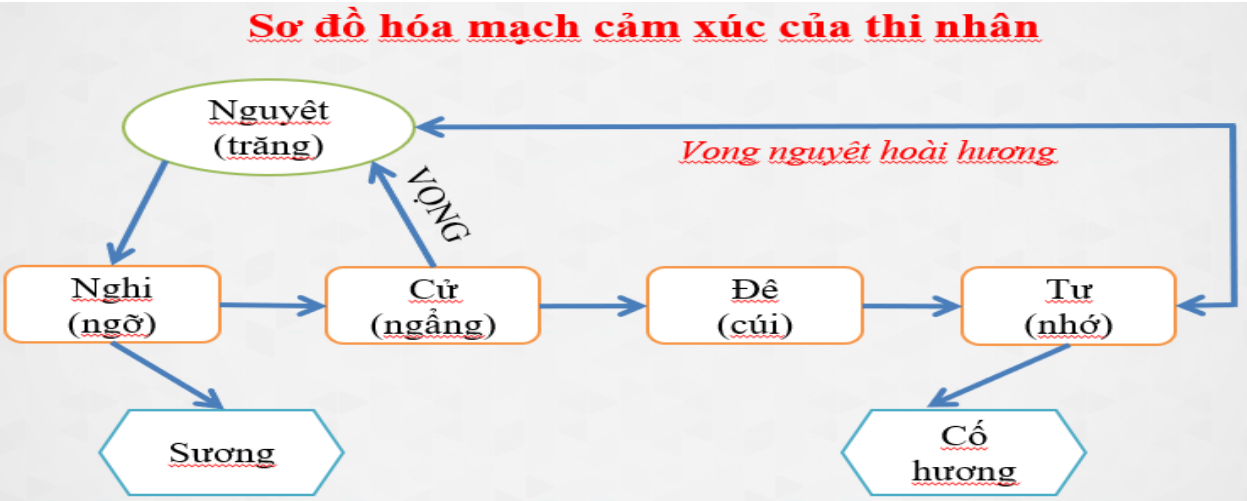

IV. Luyện tập

CÙNG CHIA SẺ

Với lứa tuổi học sinh, chưa bao giờ xa quê hương, em có hiểu được tâm trạng của nhà thơ? Bài thơ giúp em có thêm suy nghĩ, tình cảm, liên hệ gì cho cuộc sống của mình?

.....

.....

.....

.....

.....

LUYỆN TẬP CÁCH LÀM VĂN BẢN BIỂU CẢM

I. Chuẩn bị ở nhà

Đề bài: Loài cây em yêu

1. Tìm hiểu đề, tìm ý

- Yêu cầu chung:
  + Đối tượng biểu cảm: một loài cây
  + Bộc lộ cảm xúc: yêu quý
  + Cảm xúc này được bộc lộ qua nhận thức, tình cảm của cá nhân
- Tìm ý

2. Lập dàn bài

a. Mở bài: Nêu loài cây và lí do mà em yêu thích loài cây đó

b. Thân bài:

- Các đặc điểm gợi cảm của cây...
- Loài cây ... trong cuộc sống của con người.
- Loài cây ... trong cuộc sống của em

c. Kết bài: Tình cảm của em đối với loài cây đó.

3. Viết bài

4. Đọc lại và sửa chữa bài viết

II. Luyện tập: HS viết bài

Văn bản: NGẪU NHIÊN VIẾT NHÂN BUỔI MỚI VỀ QUÊ

(Hồi hương ngẫu thư)

I. Đọc - Tìm hiểu chung

HS đọc chú thích SGK và văn bản, sau đó điền thông tin theo **Phiếu học tập số** 2 trong phần HD tìm hiểu bài ở nhà.

1. Tác giả (SGK/127)

2. Tác phẩm (SGK/127)

3. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt.

4. Nhan đề:

- Hồi hương: Trở về quê hương.
- Ngẫu thư: Ngẫu nhiên viết, không chủ định viết.

II. Đọc - Tìm hiểu văn bản

1. Hai câu thơ đầu

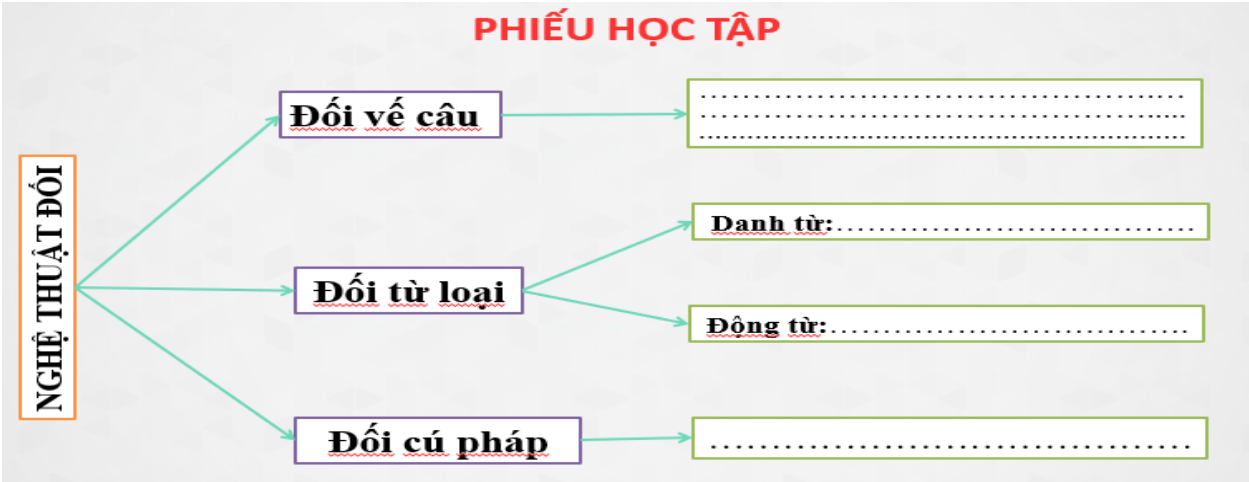

2. Hai câu thơ sau

- Nghệ thuật: Sử dụng câu hỏi tu từ, điệp từ, đối
- Tình huống: Đám trẻ con vô tư hỏi khách ở nơi nào đến?
- Tâm trạng: Hụt hẫng, buồn đau, ngậm ngùi, xót xa

-> Nhà thơ trở thành "khách lạ" ngay chính quê hương của mình.

=> Giọng thơ hóm hỉnh nhưng đằng sau là nỗi buồn sâu kín

III. Ghi nhớ

IV. Luyện tập

CÙNG CHIA SẺ

Tưởng tượng một ngày em xa quê trở về, mọi người không còn nhận ra em nữa, cảm giác lúc đó của em sẽ như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ

I. Các lỗi thường gặp về quan hệ từ.

1. Xét ví dụ:

a. Thiếu quan hệ từ

- Đừng nên nhìn hình thức *mà (để)* đánh giá kẻ khác.
- Câu tục ngữ này chỉ đúng *đối với* xã hội xưa, còn *với* ngày nay thì không đúng.

b. Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa

* VD1: Nhà em ở xa trường và bao giờ em cũng đến trường đúng giờ.

-> thay "và" = "nhưng"

* VD2: Chim sâu rất có ích cho nông dân để nó diệt sâu phá hoại mùa màng.

-> thay "để" = "vì"

c. Thừa quan hệ từ

* VD1: Qua câu ca dao "Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra" cho ta thấy công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái.

* VD2: Về hình thức có thể làm tăng giá trị nội dung đồng thời hình thức có thể làm thấp giá trị nội dung.

-> Bỏ các quan hệ từ thừa: qua, về

d. Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết.

* VD1: Nam là HS giỏi toàn diện. *Không những giỏi về môn Toán, không những giỏi về môn Văn*. Thầy giáo khen Nam.

- Sửa lại: Nam là một HS giỏi toàn diện, *không những* giỏi về môn Toán, *mà còn* giỏi cả môn Văn….

* VD2: Nó thích tâm sự với mẹ, không thích với chị.

- Sai, vì không biết sử dụng quan hệ từ "nhưng".
- Sửa lại: Nó thích tâm sự với mẹ *nhưng* không thích tâm sự với chị.

2. Kết luận (SGK/107)

II Ghi nhớ (SGK/107)

III. Luyện tập

Phiếu bài tập

Câu	Đúng	Sai	Chữa lỗi
Nhờ cố gắng học tập nên nó đạt thành tích cao.			
Tại nó không cẩn thận nên nó giải sai bài toán.			
Chúng ta phải sống cho như thế nào để chan hòa với mọi người.			
Các chiến sĩ đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ nền độc lập của dân tộc.			
Phải luôn luôn chống tư tưởng chỉ bo bo bảo vệ quyền lợi bản thân của mình.			
Nếu trời mưa, con đường này sẽ rất trơn.			
Giá trời mưa, con đường này sẽ rất trơn.			

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TÌM HIỂU BÀI CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH

(Tĩnh dạ tứ)

PHIẾU HỌC TẬP 1	
TÁC GIẢ	....
TÁC PHẨM	.....

	....

PHIẾU HỌC TẬP 1	
TÁC GIẢ	....
TÁC PHẨM	....

PHẦN BÀI HỌC MÔN TIẾNG ANH

UNIT 4. AT SCHOOL

A. SCHEDULES

A 1+2+3

I. New words : (các con không cần ghi phầ phiên âm quốc tế)

- Schedule /ˈ skedʒ ãul/ (n) = Timetable /ˈtɑɪmˌteɪ·bəl/ (n): thời khóa biểu
- Quarter /ˈkwɔr·ṭər/ (n): một phần tư (1/4)
- Half /hæf/ (n): phân nữa, một phần hai (1/2)
- Subject /ˈsʌb·dʒɪkt/ (n): môn học
- Physics /ˈfɪz·ɪks/ (n): môn Vật lý
- Physical Education /ˈfɪz.ɪ.kəl ˌedj.ʊˈkeɪ.ʃən/ (n): môn Thể Dục
- Math /mæθ/ (n): môn Toán
- Literature /ˈlɪṭãə rãə ãtʃ ə r/ (n): môn Ngữ Văn
- History /ˈhɪs·tə·ri/ (n): môn Lịch Sử
- Geography /dʒiˈɑg·rə·fi/ (n): môn Địa
- Music /ˈmjuː.zɪk/ (n) Môn nhạc
- Economics /ˌiː.kəˈnɒm.ɪks/ (n) Môn kinh tế
- Biology /baɪˈɒlədʒi/ (n) Môn sinh học
- Chemistry /ˈkɛməstri / (n) Môn hóa học

II. <u>Structure:</u>

<u>Ask and answer about the time</u>

What's the time? = What time is it? (mấy giờ rồi?)

1. Cách nói giờ *chẵn* trong tiếng Anh

   Lúc chính xác 3 giờ chiều có thể được nói đơn giản là "It is three p.m."

   Nếu bạn chỉ nói giờ, không đề cập đến phút, có thể sử dụng "o'clock."

   It is three p.m. = It is three o'clock.

2. Cách nói giờ *hơn* trong tiếng Anh

   Cách 1: Đọc giờ đầu tiên rồi mới đến phút: *giờ + phút*

   Ex. a. 6.25 – It's six twenty-five.

   b. 8.05 – It's eight O-five (O phát âm là */oʊ/*)

   c. 9.11 – It's nine eleven

   d. 2.34 – It's two thirty-four

   Cách 2: Đọc phút trước rồi mới đến giờ: *phút + PAST + giờ*

   Áp dụng khi số phút hơn chưa vượt quá 30 phút.

   Ex. a. 11.20 – It's twenty past eleven.

   b. 4.18 – It's eighteen past four.

3. Cách nói giờ *kém* trong tiếng Anh

Dùng khi số phút hơn vượt quá 30 phút. Thường chúng ta sẽ nói phút trước rồi đến giờ: *phút + TO + giờ*

Ex. a. 16.47 – It's four forty-seven p.m./ It's thirteen to five p.m.

b. 8.51 – It's nine to nine.

c. 2.55 – It's five to three

4. Các trường hợp đặc biệt khi nói giờ trong tiếng Anh

- Khi nói đến khoảng thời gian đúng 15 phút chúng ta thường nói: *(a)* quarter

Ex. a. 7.15 – It's (a) quarter past seven.

b. 12.45 – It's (a) quarter to one.

- Khi nói đến khoảng thời gian 30 phút chúng ta sử dụng: half

Ex. a. 3. 30 – It's half past three. / It's three thirty.

A 4+5

New words:

1. Importance / ɪmˈpɔː.təns/ (n): sự quan trọng
   Important // (adj): quan trọng
2. Fun /fʌn/ (n): niềm vui
   Funny /ˈfʌn.i/ (adj): vui
3. Difficulty /ˈ dɪ f.ə .kəl.tɪ/ (n): sự khó khăn
   Difficult /ˈdɪf.ə.kəlt/ (adj): khó khăn

Structure

1. Thì Hiện Tại Tiếp Diễn (Present Progressive Tense)

Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả các sự việc xảy ra ngay lúc chúng ta nói hoặc xung quanh thời điểm nói.

2. Cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn

(+)	I am + V-ing He/ She/ It + is + V-ing You/ We/ They + are + V-ing	I am studying History. He/ She is reading a book. You/ We/ They are playing games.
(-)	I + am not + V-ing He/ She/ It + isn't + V-ing You/ We/ They + aren't + V-	I am not studying History. He/ She isn't reading a book. You/ We/ They aren't playing games.

	ing	
(?)	Am I + V-ing? Is he/ she/ it + V-ing? Are you/ we/ they + V-ing?	Am I studying History? Is he/ she reading a book? Are you/ we/ they playing games?

*Note - am not: không có dạng viết tắt
- is not = isn't
- are not = aren't

. Diễn tả một hành động đang xảy ra ngay tại thời điểm nói.

- Ex: We **are studying** Maths now. (Bây giờ chúng tôi đang học toán)
She **is walking** to school at the moment. (Lúc này cô ấy đang đi bộ tới trường.)

. Diễn tả một sự việc sẽ xảy ra trong tương lai theo một kế hoạch đã được lên lịch cố định.

I bought the ticket yesterday. I **am flying** to New York tomorrow.
(tôi đã mua vé máy bay) nên ta sử dụng thì hiện tại tiếp diễn để nói về một việc chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai.

DẤU HIỆU NHẬN BIẾT THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

+ Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian:
- Now: bây giờ- Right now: Ngay bây giờ- At the moment: lúc này- At present: hiện tại
- At + giờ cụ thể (at 12 o'lock)

+ Trong câu có các động từ như:
- Look! (Nhìn kìa!)
- Listen! (Hãy nghe này!)
- Keep silent! (Hãy im lặng)

Ex:- **Look!** The train **is coming**. (Nhìn kia! tàu đang đến.)
- **Listen!** Someone **is crying**. (Nghe này! Ai đó đang khóc.)
- **Keep silent!** The baby **is sleeping**. (Hãy im lặng! Em bé đang ngủ.)

PHẦN BÀI TẬP

I, Sắp xếp các chữ cái thành từ đúng (các môn học)

1. athm ----------
2. ishyto----------
3. sicsphy----------
4. umsic----------
5. phygeogra----------
6. sicalpyh ucaedtion----------

II, Viết câu với các từ gợi ý, dùng thì hiện tại tiếp diễn

1. My father/ watch television/ at the moment.
2. We/ walk/ to school.
3. They/ study Geography/ at this time?
4. He/ listen to/ the radio/ now.
5. Nam and Nga/ have/ lunch/ at present.
6. Miss Lien/ play/ the piano?
7. The girls/ eat/ breakfast at the canteen/ now.
8. I/ do/ my homework/ at present.

III. Choose the word whose main stress pattern is not the same as the others:

1. A. schedule B. quarter C. fifteen D. subject
2. A. Biology B. Science C. Music D. History
3. A. Thursday B. weekend C. Wednesday D. Friday
4. A. interesting B. different C. beautiful D. important
5. A. uniform B. lunchtime C. activity D. lesson

IV. MULTIPLE CHOICE

1. Most students enjoy _____ books in their free time.
   A. reading B. read C. to reading D. to read
2. We have four_____ today: math, history, English and music.
   A. classes B. schedules C. activities D. classrooms
3. I like English most. It's my _____ subject.
   A. interesting B. favorite C. important D. difficult
4. In _____ I learn to cook and what our bodies need.
   A. Physics B. Literature C. Home Economics D. History
5. Schools the USA are a little different _____ schools in Vietnam.
   A. at B. with C. from D. for
6. History is _____ interesting and important subject.
   A. an B. a C. the D. both A& B
7. The United States' Library of Congress is one of _____libraries in the world.
   A. larger B. largest C. the largest D. the most large
8. Thanks for all your help! - _____
   A. You're welcome. B. I do like. C. Good job! D. That's not bad.
9. 3.45 is said: _____
   A. It's three to forty- five B. It's quarter to four
   C. It's quarter to three. D. It's three forty
10. 9.15 is said: _____
   A. It's quarter to nine B. It's nine fifteen
   C. It's nine quarter. D. It's fifteen nine
11. What time _____?
   A. are you going to go to bed? B. you go to bed
   C. do you go to bed. D. will go to bed?
12. What time does Hanh _____in history class?
   A. study B. have C. learns D. plays
13. What _____. ? – Math
   A. are you study? B. do you study C. you are studying D. you study
14. Thi has Physics_____ Tuesday_____ 7.30.
   A. on-at B. from-to C. at-on D. on-in
15. _____ racks have magazines.
   A. That B. This C. These D. They

VI. REARRANGEMENT:

1. finish / she / What / her homework / does / time / ?

➔ _____

2. has / today. / at 7:30 / and Physics class / She / History

➔ _____

3. like / Computer Science / Lan? / you / or Biology, / Do

→ _____

4. an / and important / subject / It's / interesting / .

→ _____

5. spends / a day / She / her homework / an hour / doing / .

→ _____

6. difficult, / but / Maths is / my / it's / subject / favorite /

→ _____

7. books / In Literature, / and write / read / I / essays / .

→ _____

8. to / students / on foot / get / Most / school / .

→ _____

9. computer / learn / Computer Science class, / how / we / In / to use / .

→ _____

_10. only / lunchtime / school cafeteria / at / The / opens / .

→ _____

Đã gửi tuần 6 nhưng chưa thực hiện vì hướng dẫn hs thực hiện bài kiểm trên google form nhằm đảm bảo thực hiện bài kiểm tra đầy dủ và hiệu quả.

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN VẬT LÝ

Bài 7: Gương cầu lồi

I. TÓM TẮT LÍ THUYẾT

1. Gương cầu lồi là gì?

Gương cầu lồi là một phần mặt cầu, phản xạ tốt ánh sáng, có mặt phản xạ nằm phía ngoài mặt cầu.

2. Tính chất ảnh của vật tạo bởi gương cầu lồi

Ảnh của vật tạo bởi gương cầu lồi có đặc điểm:

- Là ảnh ảo (không hứng được trên màn chắn).

- Luôn nhỏ hơn vật.

3. Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi

- Khi đặt mắt trước một gương cầu lồi, mắt chỉ có thể nhìn thấy ảnh của những vật nằm trong một vùng nào đó trước gương. Vùng này được gọi là vùng nhìn thấy của gương cầu lồi.

- Vùng quan sát được trong gương cầu lồi rộng hay hẹp tùy thuộc vào kích thước của gương và vị trí đặt mắt trước gương.

- Với gương cầu lồi và gương phẳng cùng kích thước (cùng độ rộng) và cùng vị trí đặt mắt như nhau thì vùng quan sát được trong gương cầu lồi lớn hơn vùng quan sát được trong gương phẳng.

4. Ứng dụng

- Làm gương chiếu hậu xe ô tô, xe máy.

- Làm gương đặt ở bên đường tại những nơi đường gấp khúc có vật cản che khuất tầm nhìn của lái xe, giảm thiểu tai nạn giao thông.

NỘI DUNG GHI BÀI SINH HỌC 7 TUẦN 7

CHỦ ĐỀ: GIUN ĐŨA VÀ TÁC HẠI CỦA GIUN ĐŨA

I. Giun đũa

1. Nơi sống: Kí sinh trong ruột non của người.

2. Cấu tạo ngoài:

+ Hình trụ thon dài, cơ thể tròn có lớp vỏ cuticun bao bọc.

3. Cấu tạo trong: Thành cơ thể có lớp biểu bì và cơ dọc phát triển, khoang cơ thể chưa chính thức ,ống tiêu hoá dạng thẳng có lỗ hậu môn.

- Tuyến sinh dục dài cuộn khúc.
- Di chuyển hạn chế nhờ lớp cơ dọc.
- Dinh dưỡng : ăn nhiều và nhanh nhờ ống tiêu hoá phân hoá.

4. Sinh sản:

a. Cơ quan sinh sản:

- Cơ quan sinh dục dạng ống dài

+ Con cái 2 ống.

+ Con đực1 ống

- Thụ tinh trong. Đẻ nhiều trứng.

b. Vòng đời giun đũa

Giun đũa→ đẻ trứng→ ấu trùng trong trứng

↓

Thức ăn sống

↓

Ruột non (ấu trùng)

↓

Máu, gan, tim, phổi

c. Phòng chống:

- Giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân khi ăn uống và tẩy giun định kì.

II. Một số giun trò khác

- Đa số giun tròn sống kí sinh như : Giun kim, giun chỉ giun tóc, giun móc câu...
- Chúng sống chủ yếu trong nội quan của động vật và người, gây tác hại cho vật chủ
- Cần có các biện pháp vệ sinh hợp lýđể phòng các bệnh về giun tròn.

Đại diện	**Nơi kí sinh**	**Tác hại**	**Con đường xâm nhập**	**Cách phòngchống**
GIun kim	Ruột già ở người	Gây ngứa ngáy khó chịu ở hậu môn	Đường tiêu hoá	Thực hiện chế độ 3 sạch
Giun móc câu	Tá tràng của người	Làm người bệnh xanh xao, vàng vọt	Qua da	Dùng đồ bảo hộ lao động khi ra vườn.
Giun rễ lúa	ở rễ lúa	Gây bệnh vàng lụi	Qua phân bón và nước tưới	Phun thuốc bảo vệ thực vật

---HẾT---

NỘI DUNG GHI BÀI MÔN LỊCH SỬ

<u>Tuần 6</u>-<u>Tiết 12-Bài 9:</u> NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐINH – TIỀN LÊ
II – SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA

<u>1. Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ:</u>

- Nông nghiệp ổn định và phát triển do:

+ Đất của làng xã, chia cho dân cấy cày;

+ Vua cày tịch điền khuyến khích sản xuất;

+ Chú ý khai hoang, làm thủy lợi….

- Thủ công:

+ Thành lập 1 số xưởng nhà nước;

+ Các nghề dân gian vẫn phát triển.

- Buôn bán:

+ Trong nước có các chợ làng quê;

+ Với người Tống ở vùng biên giới.

<u>2. Đời sống xã hội và văn hóa: (học sinh tự học)</u>

- Xã hội:

+ Thống trị: vua, quan, 1 số nhà sư;

+ Bị trị: nhiều nhất là nông dân, số ít là thợ thủ công, thương nhân, nô tì.

- Văn hóa:

+ Giáo dục chưa được phát triển;

+ Nho học chưa có ảnh hưởng;

+ Nhà sư được dân quý trọng;

+ Nhân dân ca múa, đua thuyền, đấu vật… trong các ngày lễ, hội.

<u>Câu hỏi:</u>

1. Tình hình kinh tế thời Đinh - Tiền Lê phát triển như thế nào?

2. Đời sống xã hội và văn hóa thời Đinh - Tiền Lê như thế nào?

.....

Thứ…….ngày…….tháng…….năm…….

CHƯƠNG II: NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ (THẾ KỈ XI – XII)

Tuần 7-Tiết 13-Bài 10:

NHÀ LÝ ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

1. Sự thành lập nhà Lý:

- Năm 1009, Lê Long Đĩnh chết, triều đình đưa Lý Công Uẩn lên làm vua là Lý Thái Tổ:

  + Năm 1010, dời kinh đô về Thăng Long;

  + Năm 1054, đổi tên nước là Đại Việt.

2. Luật pháp và quân đội:

- Luật pháp: Năm 1042, ban hành bộ luật Hình thư:

  + Bảo vệ: vua, tài sản và sản xuất;

  + Xử phạt rất nghiêm khắc.

- Quân đội:

  + Có cấm quân và quân địa phương;

  + Chính sách "ngụ binh ư nông".

Câu hỏi:

1. Nhà Lý thành lập và củng cố bộ máy chính quyền như thế nào?

2. Nhà Lý đã làm những gì để củng cố quốc gia thống nhất?

.....

.....

.....

.....

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN ĐỊA

CHƯƠNG III : ***MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC***

Bài 19 **MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC**

1. <u>Đặc điểm của môi trường.</u>

* Vị trí: - Nằm dọc theo hai đường chí tuyến.

- Nằm sâu trong lục địa

-Nằm ven dòng biển lạnh chảy ven bờ

* Khí hậu: - Rất khô hạn và khắc nghiệt.

- Biên độ nhiệt trong năm và biên độ nhiệt ngày đêm rất lớn.

* Cảnh quan : Bề mặt địa hình : cồn cát, sỏi đá…

Thực vật cằn cỗi, thưa thớt, động vật hiếm hoi., dân cư chủ yếu sống trong các ốc đảo.

2. <u>Sự thích nghi của thực, động vật đối với môi trường.</u>

+ Tự hạn chế sự mất nước.

+ Tăng cường dự trữ nước và các chất dinh dưỡng trong cơ thể

HẾT

Bài 21 MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH

1. <u>Đặc điểm của môi trường</u>.

*** Vị trí:** nằm trong khoảng từ 2 vòng cực về 2 cực.

*** Khí hậu:**

- Mùa đông lạnh kéo dài.

- Mùa hè ngắn, nhiệt độ dưới 10^oC.

- Nhiệt độ trung bình năm < - 10^0C.

- Lượng mưa ít, chủ yếu dưới dạng tuyết rơi.

→Khí hậu vô cùng lạnh lẽo và khắc nghiệt.

2. <u>Sự thích nghi của thực vật và động vật với môi trường</u>.

- Thực vật thưa thớt, chỉ phát triển vào mùa hè, thực vật đặc trưng là rêu , địa y và một số loài cây thấp lùn.

- Động vật thích nghi với khí hậu lạnh nhờ có bộ lông dày không thấm nước hoặc lớp mỡ dày.

- Một số động vật dùng hình thức ngủ đông hoặc di cư để tránh mùa đông lạnh.

HẾT

Trường THCS Trần Văn Quang Q Tân Bình

BÀI GHI LỚP 7 MÔN GDCD

Tuần 7 (18/10 – 23/10/21)

CHỦ ĐỀ:

QUAN HỆ VỚI MỌI NGƯỜI

(YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI

ĐOÀN KẾT TƯƠNG TRỢ)

(3 Tiết - BÀI 5+BÀI 7)

(Tiết 2)

I.Truyện đọc:

a/ Bác Hồ đến thăm người nghèo – SGK/15-16 (HS tự xem)

b/ Một buổi lao động– SGK/20-21 (HS tự xem)

II.Nội dung bài học:

3/ Ý nghĩa yêu thương con người, đoàn kết, tương trợ:

- Yêu thương con người, đoàn kết, tương trợ truyền thống tốt đẹp, quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy.
- Người có lòng yêu thương, đoàn kết, tương trợ sẽ được mọi người quý mến, kính trọng.
- Giúp chúng ta dễ dàng hòa nhập, hợp tác với mọi người xung quanh.
- Giúp ta có thêm sức mạnh, vượt qua khó khan thực hiện được mục đích của mình.

Ca dao, tục ngữ, danh ngôn:

Thương người như thể thương thân

- Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

- Lá lành đùm lá rách.
- Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công.

Chủ tịch Hồ chí Minh

III. Bài tập: *Thực hiện các bài tập SGK*

IV. Dặn dò:

- *Học phần "Nội dung bài học"*
- *Chuẩn bị chủ đề " Quan tâm, cảm thông và chỉa sẻ" Bài 5+7*
- *Làm bài tập SGK và bài tập về nhà.*

BÀI TẬP

1/ *Theo em hành vi nào sau đây thể hiện lòng yêu thương con người?*

a. Giúp đỡ người khác một cách vô tư.

b. Biết ơn người giúp đỡ.

c. Giúp đỡ người khác để được giúp lại

d. Tham gia hoạt động từ thiện.

e. Chế giễu người tàn tật

f. Chia sẻ cảm thông.

g. Chỉ quan tâm giúp đỡ những người đã giúp đỡ mình.

2/ *Xử lí tính huống :*

Trên đường đi học Hùng và các bạn thường gặp một bác bị hỏng mắt đi bán tăm tre, hôm ấy Hùng và các bạn chứng kiến cảnh bác bị hai thanh niên đi trên xe đạp trêu chọc, họ cố tình va vào bác làm cho túi tăm văng tung toé ra đường…

Câu hỏi:

a/ Em có suy nghĩ gì về hoàn cảnh của những người như bác khiếm thị trên?

b/ Hãy nhận xét về thái độ và việc làm của hai thanh niên trên?

c/ Nếu được chứng kiến sự việc trên em sẽ làm gì?

3/ Kể tên các chương trình nhân ái trên truyền hình mà em biết ?

4/ Em hãy kể tên những hoạt động, phong trào có ý nghĩa lan toả tình yêu thương con người ở trường. Em sẽ có những hành động cụ thể như thế nào để hưởng ứng những hoạt động, phong trào của trường hoặc ở địa phương em?

5/ Em hãy làm một sản phẩm mang thông điệp yêu thương.

Gợi/ý:

Một tấm thiệp, một bức tranh,...

Một bức thư, một bài thuyết trình,...

• Một tiết mục văn nghệ,...

(Có thể chọn các hình thức khác để thể hiện sự sáng tạo của em).

NỘI DUNG GHI BÀI MÔN CÔNG NGHỆ

CHỦ ĐỀ 2: PHÂN BÓN (tt)

I. PHÂN BÓN LÀ GÌ?

II. TÁC DỤNG CỦA PHÂN BÓN

III. CÁCH SỬ DỤNG CÁC LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG

- Phân hữu cơ: bón lót.
- Phân vô cơ (đạm, kali, hỗn hợp): bón thúc. Có thể bón lót với lượng nhỏ.
- Phân lân: bón lót.

IV. CÁCH BẢO QUẢN CÁC LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG

- Đối với phân hóa học:

  + Đựng trong chum, vại, sành đậy kín.

  + Để ở nơi khô ráo, thoáng mát.

  + Không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau.
- Đối với phân chuồng: bảo quản tại chuồng nuôi hoặc ủ thành đống.

TRƯỜN THCS TRẦN VĂN QUANG
MÔN : ÂM NHẠC 7 (18-23/10/2021)

TUẦN 7
ÔN TẬP KIỂM TRA

1. Ôn tập hai bài hát

- *Mái trường mến yêu*
- *Lí cây đa*

2. Ôn tập Nhạc lí

- Nhịp $\frac{4}{4}$ và cách đánh nhịp
- Nhịp lấy đà
- So sánh nhịp $\frac{4}{4}$ với nhịp $\frac{3}{4}$ và nhịp $\frac{2}{4}$

3. Ôn tập Tập đọc nhạc

Ôn TĐN số 1, 2, 3

**** Ghi nhớ cách thể hiện***

a) Hình tiết tấu của TĐN số 1 :

b) Hình tiết tấu của TĐN số 2 :

c) Hình tiết tấu của TĐN số 3 :

d) Cao độ

Tập đọc các ví dụ dưới đây :

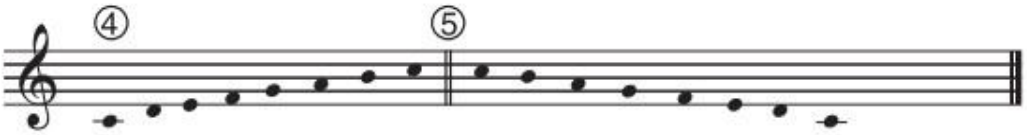

MĨ THUẬT 7 tuần 7

Thường thức mĩ thuật

MĨ THUẬT VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẾN 1954

I. Bối cảnh xã hội: (HS tự đọc)

II. Một số hoạt động mĩ thuật:

1. Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1930

- Kiến trúc: lăng tẩm, đền, miếu, chịu nhiều ảnh hưởng của nghệ thuật: Trung hoa và Pháp.
- Hội họa: chưa có gì đáng kể ngoài một vài tác phẩm của họa sĩ Lê Văn Miến.
- Sự kiện mĩ thuật: thành lập trường Mĩ nghệ Thủ Dầu Một (1901), trường Mĩ nghệ Trang trí Đồ họa Gia Định (1913), trường cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương (1925) . Nhằm đào tạo và khai thác tài năng của các nghệ nhân Việt Nam phục vụ cho chính sách " khai hoá".
- Hoạ sũ, nhà điêu khắc tiêu biểu: Tô Ngọc Vân, Nguyễn Phan Chánh, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Trần Văn Cẩn, Lê Văn Đệ,.....

2. Từ năm 1930 đến năm 1945:

Phong cách nghệ thuật: đa dạng

Chất liệu nổi bật: Sơn dầu, sơn mài.

Các tác phẩm nổi tiếng: Thiếu nữ bên hoa huệ (Tô Ngọc Vân), chơi ô ăn quan (Nguyễn Văn Chánh), em Thúy (Trần Văn Cẩn)...

3. Từ năm 1945 đến năm 1954:

- Năm 1945: hướng mới là vẽ tranh cổ động, kí hoạ.
- Năm 1946: kháng chiến toàn quốc bùng nổ, các họa sĩ lại hăng hái nhập cuộc.

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN THỂ DỤC 7 - TUẦN 7

BÀI THỂ DỤC VỚI CỜ

(Hướng dẫn HS tự học)

I. BÀI THỂ DỤC VỚI CỜ:

Hoàn thiện bài thể dục với cờ, Hs ôn lại 9 động tác:

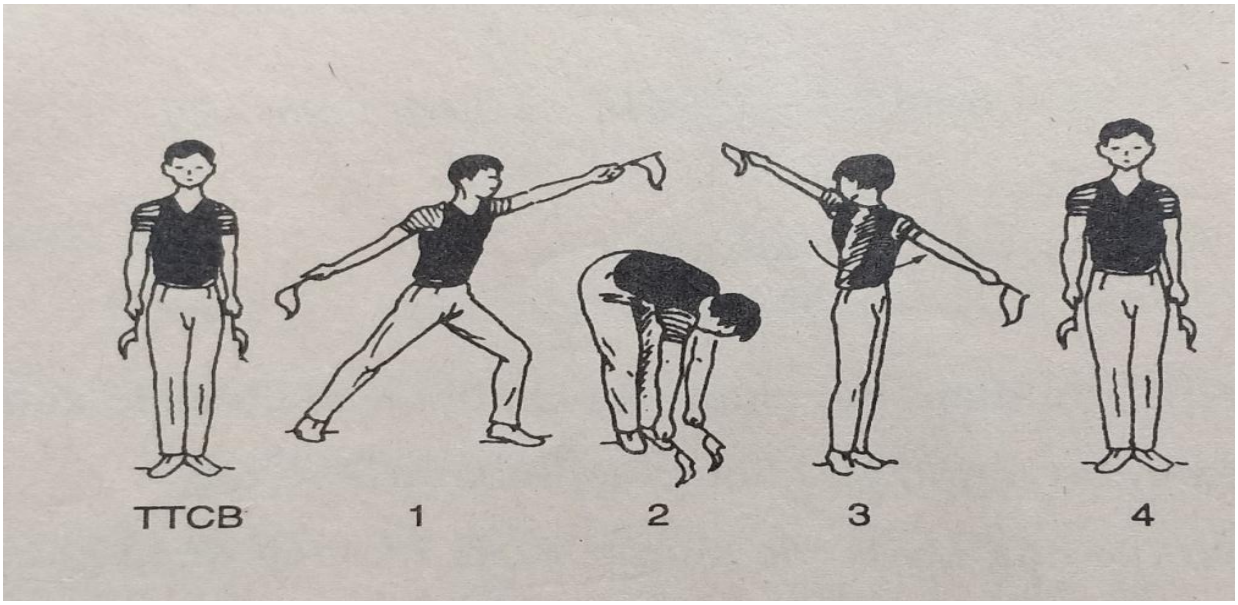

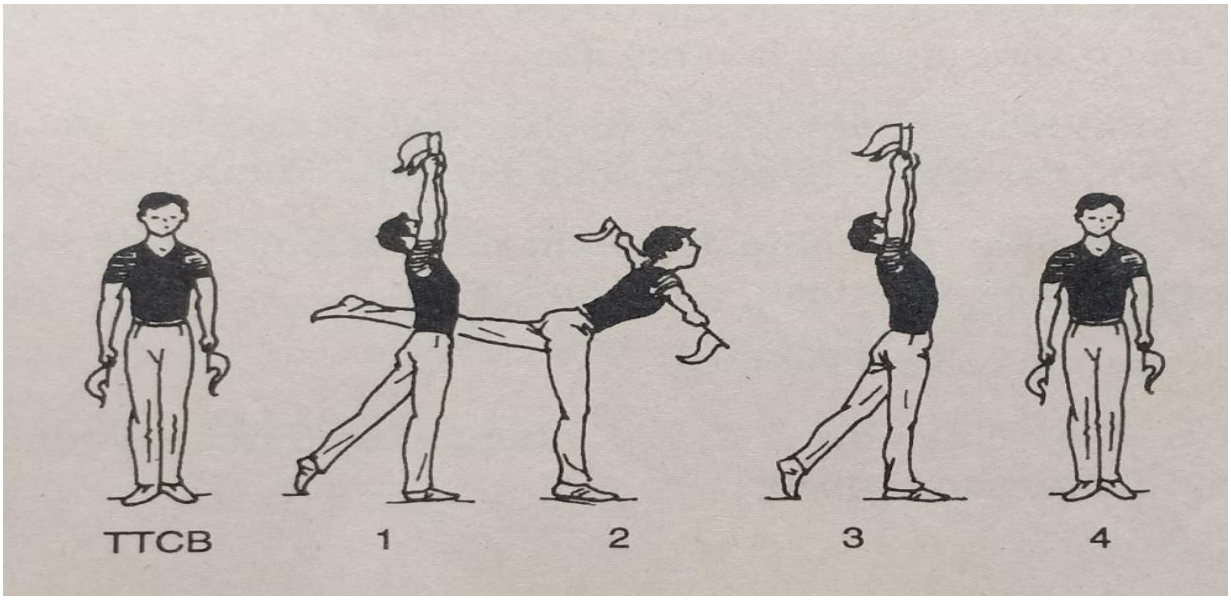

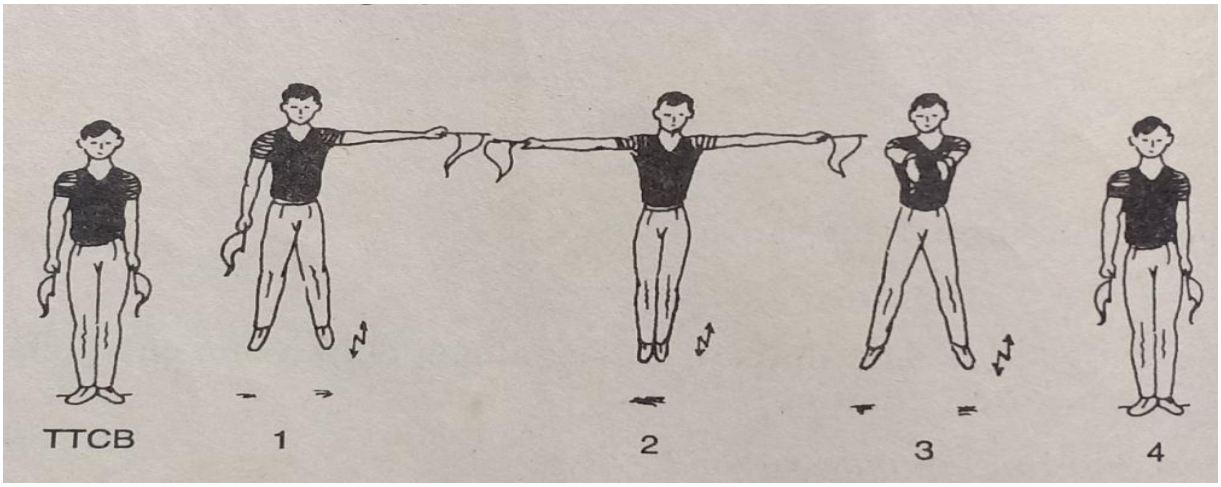

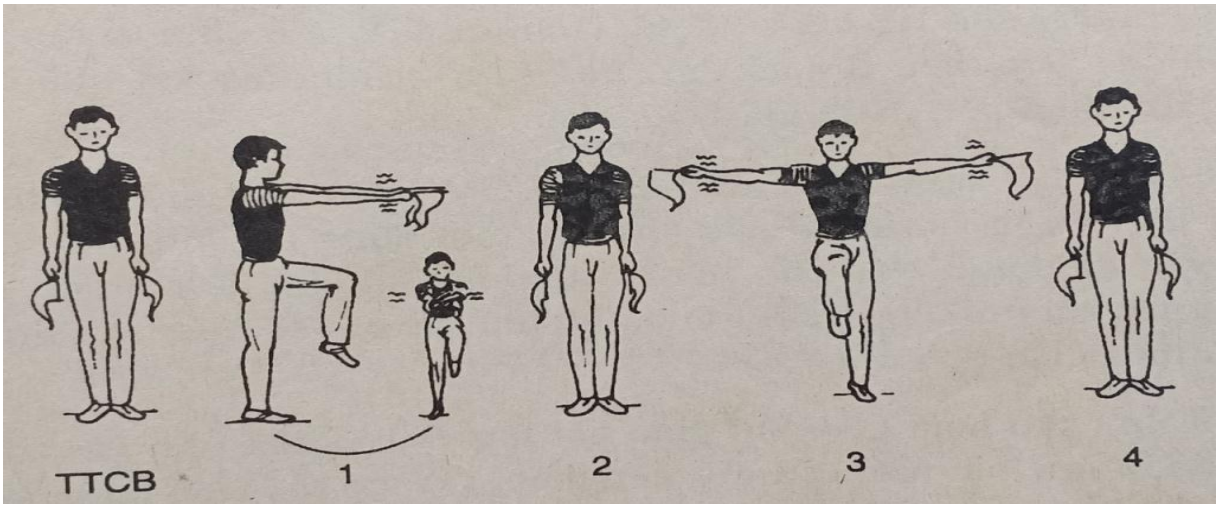

II. Thể lực:

Nhảy dây nhanh 30 giây x 3 lần

Chuẩn bị kiểm tra.

TIN HỌC 7

TUẦN 7 (18/10/2021 ĐẾN 23/10/2021)

BÀI 4 : SỬ DỤNG CÁC HÀM ĐỂ TÍNH TOÁN

3. Giới thiệu một số hàm cơ bản :

a. Hàm tính tổng: SUM

b) Hàm tính trung bình cộng : AVERAGE

c) Hàm xác định giá trị lớn nhất : MAX

d) Hàm xác định giá trị nhỏ nhất : MIN

- Cú pháp: =MIN(a,b,c,...)

VD: Tìm giá trị nhỏ nhất :

=**Min**(47,5,64,4,13,56) → cho kết quả 4

→ Trong đó các biến **a,b,c**… là ***các số***, ***địa chỉ*** hoặc ***khối*** của các ô tính, đặt cách nhau bởi dấu phẩy. Số lượng các biến là không hạn chế.

**** Lưu ý***

- Tên hàm không phân biệt chữ hoa, chữ thường nhưng phải viết đúng.
- Cặp dấu ( ) là bắt buộc.
- Khi nhập hàm: Không có dấu cách giữa tên hàm và dấu "(".

e) Hàm lấy những ký tự bên TRÁI của một chuỗi : LEFT

- Cú pháp: = LEFT(ô chứa chuỗi cần lấy, số ký tự muốn lấy)

f) Hàm lấy những ký tự bên PHẢI của một chuỗi : RIGHT

- Cú pháp: = RIGHT(ô chứa chuỗi cần lấy, số ký tự muốn lấy)

g) Hàm lấy những ký tự bên GIỮA của một chuỗi : MID

- Cú pháp: = MID(ô chứa chuỗi cần lấy, vị trí lấy, số ký tự cần lấy)